
Bản án số: 15/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29.4.2021

Về việc: “*Tranh chấp ly hôn và con chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
E
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN L - TP. ĐÀ NẴNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Thanh Hùng**

Các hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Dũng**

Ông Ngô Văn Sỹ

Thư ký phiên tòa: Ông **Khuất Duy Toàn** - là Thư ký Tòa án nhân dân quận L, TP Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận L, TP Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Đức Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận L, TP Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công Ki vụ án thụ lý số: 515/2020/TLST-HNGĐ, ngày 23.12.2020, về việc “*Tranh chấp ly hôn và con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2021/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Ngô Thị Ánh P**, sinh năm 1985. Địa chỉ: K7/H42/24 N, Tổ 22, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng, có mặt.

- Bị đơn: Ông **Trần Quốc K**, sinh năm 1985. Địa chỉ: K7/H42/24 N, Tổ 22, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****Nguyên đơn bà Ngô Thị Ánh P trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Bà P và ông K kết hôn vào năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ1, tỉnh Quảng Nam. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu. Sau khi kết hôn vợ chung sống tại địa chỉ: Tổ 22, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Đến khoảng tháng 06.2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông K bài bạc và nợ tiền bên ngoài rất nhiều, không chu cấp tiền nuôi con, thậm chí rất nhiều lần ông K yêu cầu bà P phải thay ông K trả nợ. Nay bà P cho rằng giữa vợ chồng vẫn không thể nói chuyện được với nhau, không thể hàn gắn lại tình

cảm, ông K và bà P đã sống ly thân từ ngày 28.12.2020 âm lịch cho đến nay. Vì vậy bà P xác nhận tình cảm của bà P đã không còn yêu thương ông K nữa nên bà P yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà P được ly hôn với ông Trần Quốc K.

**Bị đơn ông Trần Quốc K trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông K thống nhất với lời trình bày của bà P về thời gian, điều kiện kết hôn cũng như quá trình chung sống vợ chồng. Sau khi kết hôn vợ chồng ông K, bà P chung sống tại địa chỉ: Tổ 22, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Ông K thừa nhận trước đây ông K có đánh bài, dẫn đến nợ nần và vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn như lời trình bày của bà P là đúng. Hiện nay, vợ chồng đã sống ly thân, ông K ra ngoài thuê nhà ở từ ngày 28.12.2020 âm lịch cho đến nay. Tuy nhiên ông K cho rằng sau khi sự việc xảy ra, ông K đã nhận thức được hành vi sai trái của mình nên ông K đã từ bỏ, không còn đánh bài nữa. Hiện tại vợ chồng không hề xảy ra mâu thuẫn, không cãi vã to tiếng với nhau, không có hành vi bạo lực gia đình, vợ chồng ông K, bà P cùng chung chí hướng nuôi dạy con. Kể từ lần hòa giải đầu tiên và tại phiên tòa nguyên vọng của ông K là vẫn muốn đoàn tụ với bà P nên tôi không đồng ý ly hôn với bà P.

Về quan hệ con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Ngô Thị Ánh P và ông Trần Quốc K thống nhất trình bày: Bà P và ông K xác định trong thời kỳ hôn nhân bà P và ông K có 02 con chung tên Trần Quốc K1, sinh ngày 01.7.2013 và Trần Thị Khải N1, sinh ngày 11.8.2015. Ly hôn, bà P và ông K thống nhất giao con chung Trần Thị Khải N1 cho bà Ngô Thị Ánh P và giao con chung Trần Quốc K1 cho ông Trần Quốc K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông K cấp dưỡng cho bà P nuôi con chung Trần Thị Khải N1 mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi con chung Trần Thị Khải N1 đủ 18 tuổi. Bà P không cấp dưỡng nuôi con chung Trần Quốc K1.

Về quan hệ tài sản chung: Bà Ngô Thị Ánh P và ông Trần Quốc K xác định trong thời kỳ hôn nhân bà P và ông K có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ nợ chung: Bà P và ông K xác định trong thời kỳ hôn nhân giữa bà P và ông K không có nợ chung.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận L tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:*

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký tuân theo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, 207, 227, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử: Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Ngô Thị Ánh P được ly hôn ông Trần Quốc K. Về quan hệ con chung: Công nhận sự thỏa thuận của đương sự: Đề nghị Hội đồng xét xử giao ông K nuôi cháu Trần Quốc K1, sinh ngày 01.7.2013 và giao bà P nuôi cháu Trần Thị Khải N1, sinh ngày 11.8.2015. Ông K cấp dưỡng nuôi cháu Như mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi cháu Trần Thị Khải N1 đủ 18 tuổi; Về tài sản chung: Ông K, bà P tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về vợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Ngô Thị Ánh P khởi kiện ly hôn ông Trần Quốc K, cư trú tại phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận L, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Thị Ánh P và ông Trần Quốc K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ1, tỉnh Quảng Nam vào ngày 21/3/2012, vào sổ số 15, quyển số 01. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Ngô Thị Ánh P đối với ông Trần Quốc K thì thấy: Bà P cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do ông K bài bạc, dẫn đến nợ nần, ông K không chu cấp tiền nuôi con, thậm chí rất nhiều lần bà P phải thay ông K trả nợ. Vì vậy bà P xác nhận tình cảm không còn yêu thương ông K, nên bà P yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà P được ly hôn với ông Trần Quốc K. Về phía bị đơn ông Trần Quốc K trình bày trước đây giữa hai vợ chồng có mâu thuẫn như lời trình bày của bà P là đúng. Tuy nhiên những mâu thuẫn đó đã được ông K khắc phục. Hiện tại hai vợ chồng không còn mâu thuẫn nữa và cùng nhau nuôi dạy con cái. Hội đồng xét xử xét thấy: Hôn nhân phải xuất phát từ hai bên, giữa bà P và ông K có xảy ra mâu thuẫn như lời trình bày của bà P là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu xuất phát

từ điều kiện kinh tế do ông K cò bạc, dẫn đến nợ nần không chăm lo cho gia đình, vợ con. Ngày 12.11.2020 bà P khởi kiện ly hôn ông K tại Tòa án nhân dân quận Liên, đến ngày 17.11.2020 bà P rút đơn khởi kiện và Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án. Đồng thời tại Biên bản xác minh của Tòa án ngày 26.3.2021 tại địa phương nơi ông K, bà P sinh sống thì cũng xác định giữa hai vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn và hai vợ chồng đã sống ly thân, điều này cũng được ông K, bà P thừa nhận. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông K cho rằng hiện tại vợ chồng không có mâu thuẫn, ông K yêu cầu được đoàn tụ nhưng không có bất cứ một giải pháp gì để vợ chồng về chung sống hạnh phúc. Tại phiên tòa bà P vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn đối với ông K. Xét thấy, mục đích hôn nhân giữa bà P và ông K không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình cho bà Ngô Thị Ánh P được ly hôn ông Trần Quốc K.

[2.2] Về quan hệ con chung: Trong thời kỳ hôn nhân bà P, ông K có 02 con chung là Trần Quốc K1, sinh ngày 01.7.2013 và Trần Thị Khải N1, sinh ngày 11.8.2015. Cả hai có nguyện vọng giao cháu Trần Quốc K1 cho ông K nuôi, giao cháu Trần Thị Khải N1 bà P nuôi không cấp dưỡng nuôi con chung, giao cháu Trần Thị Khải N1 cho bà P nuôi, ông K cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Khi ly hôn việc giao con chung cho cha hay mẹ nuôi, mục đích để các cháu phát triển bình thường về tinh thần cũng như thể chất. Ly hôn bà P có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Trần Thị Khải N1, ông K có nguyện vọng được chăm sóc nuôi dưỡng cháu Trần Quốc K1. Xét nguyện vọng nuôi con chung của bà P, ông K là chính đáng và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Khải và cháu Như. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận thỏa thuận về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung. Giao cháu Trần Quốc K1 cho ông K, giao cháu Trần Thị Khải N1 cho bà Ngô Thị Ánh P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Ông Trần Quốc K tự nguyện cấp dưỡng cho bà Ngô Thị Ánh P nuôi cháu Trần Thị Khải N1 mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi cháu Như đủ 18 tuổi.

[2.3] Về tài sản chung: Ông K, bà P xác định trong thời kỳ hôn nhân ông K, bà P có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Không có.

[2.5] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng sơ thẩm bà P phải chịu.

Tại phiên tòa Viện kiểm sát nhân dân quận L phát biểu về nội dung giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 51, 53, 54, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc xin ly hôn của bà Ngô Thị Ánh P đối với ông Trần Quốc K.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Ngô Thị Ánh P được ly hôn ông Trần Quốc K.

Về quan hệ con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự:

Giao con chung Trần Quốc K1, sinh ngày 01.7.2013 cho ông Trần Quốc K và giao con chung Trần Thị Khải N1, sinh ngày 11.8.2015 cho bà Ngô Thị Ánh P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Ông Trần Quốc K tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung Trần Thị Khải N1 mỗi tháng 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) cho đến khi cháu Trần Thị Khải N1 đủ 18 tuổi.

Bên không nuôi con vẫn có quyền, nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích của con chung có quyền thay đổi người trực nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Giấy chứng nhận kết hôn số 15 ngày 21.3.2002 của Ủy ban nhân xã Đ, thị xã Đ1, tỉnh Quảng Nam không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí: Án phí HNGĐ sơ thẩm 300.000 đồng bà Ngô Thị Ánh P phải chịu, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0004885 ngày 23.12.2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận L, thành phố Đà Nẵng.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm hôm nay.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Q. L;
- Chi cục THA.DS Q. L;

- UBND xã Đ, thị xã Đ1,
tỉnh Quảng Nam;
- Sở tư pháp TPĐN;
- Hồ sơ vụ án.

Phạm Thanh Hùng

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

